

Số: 8497 /KH-UBND

Lai Châu, ngày 02 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do”; Quyết định số 2998/QĐ-BNN-CCPT ngày 05/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do”. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 19/6/2024 và Kế hoạch triển khai của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 2998/QĐ-BNN-CCPT ngày 05/9/2024; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh động vật, thực vật; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm, cảnh báo và kiểm soát các mối nguy từ khâu sản xuất đến sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ. Đồng thời thực thi tốt các nghĩa vụ đối với Hiệp định SPS của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và các hiệp định thương mại tự do trong thương mại nông, lâm, thủy sản và thực phẩm đảm bảo hài hòa các quy định trong nước và quốc tế.

Chuyển mạnh từ kiểm tra, xử lý khi có vi phạm sang quản lý dựa trên nguy cơ; tập trung nguồn lực vào vùng nguyên liệu, cơ sở, sản phẩm và công

đoạn có nguy cơ cao mất ATTP. Đảm bảo sản phẩm nông, lâm, thủy sản cung cấp cho thị trường trong nước an toàn, có nguồn gốc rõ ràng; đồng thời từng bước đáp ứng yêu cầu SPS của các thị trường xuất khẩu phù hợp với năng lực và lợi thế của tỉnh.

Thực hiện tốt cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, cảnh báo nhanh và xử lý kịp thời khi phát sinh sự cố an toàn thực phẩm, dịch bệnh, sinh vật gây hại hoặc cảnh báo SPS. Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý, hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ sản xuất; thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và liên kết sản xuất - tiêu thụ.

2. Yêu cầu

Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án SPS; kế thừa, cụ thể hóa các nhiệm vụ mà Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao địa phương.

Xác định cụ thể nội dung công việc, tiến độ, trách nhiệm chủ trì và phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện; lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch đang triển khai trên địa bàn tỉnh, tránh chồng chéo và sử dụng hiệu quả nguồn lực; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục, cần sự phối hợp của các cấp, các ngành, các đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh.

Giám sát theo chuỗi sản xuất và theo nguy cơ, kết hợp giám sát chủ động với giám sát khi có dấu hiệu bất thường; ưu tiên vùng sản xuất hàng hoá tập trung, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu và cơ sở từng có vi phạm ATTP. Việc hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, người sản xuất phải gắn với tuân thủ quy định, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật và yêu cầu của thị trường; không chạy theo số lượng chứng nhận mà xem nhẹ hiệu quả kiểm soát thực chất.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực quản lý, giám sát và kiểm soát an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh trong trồng trọt và chăn nuôi; chủ động phòng ngừa và xử lý rủi ro; xây dựng vùng sản xuất an toàn, truy xuất được nguồn gốc; nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản Lai Châu, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thị trường trong nước và từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2030

(1) 100% các vùng nguyên liệu, cơ sở sản xuất - chế biến - xuất khẩu thuộc diện quản lý được lập danh sách, phân loại nguy cơ và có kế hoạch giám sát phù hợp.

(2) 100% các vùng nguyên liệu sản xuất phục vụ xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được áp dụng yêu cầu truy xuất nguồn gốc phù hợp với sản phẩm và thị trường.

(3) 100% mẫu thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc các kế hoạch giám sát ATTP, lấy mẫu được phân tích và xử lý kết quả theo quy định.

(4) 100% ổ dịch bệnh động vật, ổ dịch thực vật nguy hiểm thuộc diện phải báo cáo được phát hiện, xử lý, khoanh vùng theo quy định; tăng cường giám sát nguy cơ tại khu vực có nguy cơ cao.

(5) 50% doanh nghiệp, hợp tác xã và chủ thể sản xuất trong các chuỗi hàng hóa chủ lực được tiếp cận thông tin, tập huấn hoặc hướng dẫn về SPS, ATTP và yêu cầu thị trường.

(6) Hằng năm cập nhật thông tin cảnh báo SPS, yêu cầu kỹ thuật của thị trường và thông tin dịch bệnh, sinh vật gây hại để cung cấp cho các chủ thể liên quan.

(7) 100% sự cố/cảnh báo ATTP hoặc dịch bệnh có nguy cơ ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng được tiếp nhận, xác minh, truy xuất và tham mưu biện pháp xử lý kịp thời.

(8) Toàn tỉnh có trên 05 mô hình/chuỗi sản xuất an toàn, quản lý dịch hại tổng hợp, chăn nuôi an toàn sinh học.

(9) Kịp thời phối hợp với Cổng thông tin quốc gia về SPS kết nối, chia sẻ thông tin về các biện pháp SPS của thị trường giữa hợp tác xã, doanh nghiệp, hội, hiệp hội, cơ quan quản lý của tỉnh và hệ thống SPS Việt Nam.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức, năng lực thực thi SPS, ATTP và phòng chống dịch bệnh động, thực vật

Các cấp chính quyền tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng tập trung thực hiện; phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị và các cá nhân, cơ sở, doanh nghiệp, hiệp hội... sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh, từ đó tạo sự đổi mới trong nhận thức, tư duy về việc đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, đảm bảo thực hiện đúng các biện pháp SPS.

Tổ chức cung cấp thông tin, tập huấn theo nhóm đối tượng: cán bộ quản lý; doanh nghiệp, hợp tác xã; hộ sản xuất; cơ sở sơ chế, chế biến; cơ sở chăn nuôi; cơ sở giết mổ; cơ sở kinh doanh. Nội dung tập trung vào yêu cầu SPS, ATTP, sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn, thời gian cách ly, an toàn sinh học, quản lý dịch hại, truy xuất và thu hồi sản phẩm.

Thiết lập đầu mối tiếp nhận, hướng dẫn và giải đáp thông tin SPS của tỉnh; kết nối với đầu mối SPS Trung ương và các cơ quan chuyên ngành. Thông tin, phổ biến kịp thời các bản tin SPS Việt Nam đến các đối tượng có liên quan và giải pháp thích ứng; lồng ghép với các chương trình khuyến nông để nâng

cao nhận thức người dân trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất nhập khẩu.

2. Tăng cường giám sát ATTP theo nguy cơ

Rà soát, lập và cập nhật danh mục vùng nguyên liệu, vùng trồng, cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý; phân nhóm nguy cơ cao, trung bình, thấp.

Hàng năm xây dựng chương trình, kế hoạch lấy mẫu giám sát đối với các nhóm nguy cơ trọng yếu: dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; thuốc thú y; kim loại nặng; vi sinh; độc tố và các chỉ tiêu khác theo đặc điểm sản phẩm, nguy cơ và yêu cầu thị trường. Ưu tiên giám sát các sản phẩm chủ lực, có giá trị và tiềm năng xuất khẩu của tỉnh như chè, gạo, quế, mắc ca, miến dong, rau, Sâm Lai Châu... và các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản phù hợp; việc lựa chọn chỉ tiêu phải căn cứ đánh giá nguy cơ và yêu cầu thực tế. Kết quả giám sát phải được tổng hợp, phân tích xu hướng và thông báo, cảnh báo; trường hợp không phù hợp phải truy xuất nguồn gốc lô hàng, xác định nguyên nhân và xử lý theo quy định.

Phối hợp với phòng thử nghiệm đủ năng lực để bảo đảm chất lượng, độ tin cậy và thời gian trả kết quả phục vụ quản lý.

3. Giám sát dịch bệnh, sinh vật gây hại trong trồng trọt

Cập nhật bản đồ, danh sách vùng sản xuất và đối tượng cây trồng; xác định các đối tượng sinh vật gây hại, bệnh có nguy cơ ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng và điều kiện xuất khẩu. Thực hiện điều tra, dự tính, dự báo và giám sát dịch hại theo mùa vụ; tăng cường giám sát tại vùng trồng tập trung, vùng đã hoặc dự kiến cấp mã số vùng trồng.

Đẩy mạnh quản lý dịch hại tổng hợp (IPM/IPHM), sử dụng giống phù hợp, biện pháp sinh học và canh tác an toàn; hạn chế lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật. Kiểm soát việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và vật tư đầu vào; hướng dẫn ghi chép nhật ký sản xuất, tuân thủ nguyên tắc sử dụng đúng và thời gian cách ly.

Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch hoặc dịch hại có nguy cơ ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu, thực hiện khoanh vùng, điều tra, xử lý và thông tin kịp thời cho các chủ thể liên quan.

4. Giám sát dịch bệnh và an toàn sinh học trong chăn nuôi

Rà soát, phân loại nguy cơ đối với cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất giống, cơ sở giết mổ, điểm tập kết, thu gom và vận chuyển động vật. Thực hiện giám sát chủ động đối với các bệnh nguy hiểm, bệnh có khả năng lây lan nhanh hoặc ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm; kết hợp giám sát lâm sàng, lấy mẫu xét nghiệm khi cần thiết.

Khuyến khích xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, áp dụng an toàn sinh học, vệ sinh khử trùng, kiểm soát con giống, thức ăn, nước uống và người/phương tiện ra vào. Kiểm soát giết mổ, vận chuyển và lưu thông động vật, sản phẩm động vật; tăng cường truy xuất khi có dịch bệnh hoặc sản phẩm không bảo đảm an toàn. Thiết lập cơ chế phản ứng nhanh khi phát hiện ổ dịch hoặc nguy cơ phát sinh dịch bệnh, bảo đảm khoanh vùng, xử lý và khôi phục sản xuất theo quy định.

5. Truy xuất nguồn gốc, quản lý mã số vùng trồng và chuỗi sản xuất

Rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu, vùng trồng, cơ sở đóng gói và các chủ thể tham gia chuỗi sản xuất; gắn thông tin sản xuất với mã số, vị trí, diện tích, sản lượng dự kiến và nhật ký sản xuất. Khuyến khích áp dụng mã QR, mã vạch, nền tảng số và hệ thống truy xuất phù hợp; bảo đảm dữ liệu tối thiểu có thể truy xuất từ sản phẩm đến cơ sở sản xuất và ngược lại.

Thực hiện kiểm tra, giám sát việc duy trì điều kiện của mã số vùng trồng/cơ sở đóng gói; xử lý việc sử dụng mã số không đúng phạm vi hoặc không bảo đảm yêu cầu. Xây dựng quy trình truy xuất và thu hồi sản phẩm đối với từng nhóm sản phẩm chủ lực; tổ chức kiểm tra khả năng truy xuất khi cần thiết.

6. Cập nhật, cảnh báo và đáp ứng yêu cầu SPS của thị trường

Chủ động tiếp nhận thông tin từ hệ thống SPS Việt Nam, cơ quan chuyên ngành Trung ương, cơ quan ngoại giao, hiệp hội ngành hàng và đối tác; phân tích mức độ tác động đối với sản phẩm của tỉnh.

Thiết lập cơ chế cảnh báo nội bộ theo 3 mức: thông tin theo dõi; cảnh báo cần chuẩn bị; cảnh báo cần xử lý ngay. Đối với cảnh báo có khả năng ảnh hưởng đến lô hàng/chuỗi xuất khẩu, thực hiện thông tin trực tiếp đến doanh nghiệp, hợp tác xã và vùng nguyên liệu liên quan.

Rà soát yêu cầu của từng thị trường đối với sản phẩm xuất khẩu; xây dựng tài liệu hướng dẫn theo nhóm sản phẩm và thị trường khi có nhu cầu thực tế. Phối hợp doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ quan chuyên môn để điều chỉnh quy trình sản xuất, kiểm soát dịch bệnh, kiểm nghiệm và hồ sơ truy xuất phù hợp yêu cầu thị trường.

7. Tăng cường kiểm tra, kiểm nghiệm và xử lý vi phạm

Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất trên cơ sở phân loại nguy cơ; tập trung vào vùng nguyên liệu, cơ sở có nguy cơ cao, cơ sở có lịch sử vi phạm hoặc sản phẩm có cảnh báo. Kết hợp kiểm tra hồ sơ với kiểm tra thực địa, lấy mẫu và truy xuất; tránh kiểm tra hình thức, trùng lặp giữa các cơ quan.

Xử lý nghiêm hành vi sử dụng vật tư không đúng quy định, vi phạm thời gian cách ly, gian lận nguồn gốc, sử dụng mã số vùng trồng/cơ sở đóng gói sai quy định, lưu thông sản phẩm không bảo đảm an toàn. Định kỳ 2 năm đánh giá lại nhóm nguy cơ trên cơ sở kết quả giám sát, thanh tra, kiểm tra, dịch bệnh và cảnh báo thị trường.

8. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số

Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý vùng nguyên liệu, cơ sở sản xuất - chế biến, kết quả giám sát ATTP, dịch bệnh, sinh vật gây hại và truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh. Ứng dụng bản đồ số/GIS, mã QR, mã vạch, nhật ký điện tử và cảnh báo số trong các chuỗi có nhu cầu; ưu tiên sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu.

Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ về phân tích nguy cơ, quản lý dịch hại, an toàn sinh học, giảm dư lượng, bảo quản và truy xuất phù hợp điều kiện miền núi. Khuyến khích mô hình sản xuất xanh, hữu cơ, tuần hoàn, IPM/IPHM và chăn nuôi an toàn sinh học khi phù hợp điều kiện sản xuất và thị trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Bổ trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước; nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án có liên quan đã được phê duyệt; nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật. Hằng năm UBND cấp xã, các Sở, ngành căn cứ nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, dự toán trong dự toán của cơ quan, đơn vị trình cấp thẩm quyền quyết định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì hằng năm xây dựng kế hoạch giám sát ATTP; quản lý dịch bệnh trong trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y theo chức năng; quản lý vùng nguyên liệu; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, cảnh báo; báo cáo UBND tỉnh và các cơ quan Trung ương theo quy định.

2. Sở Y tế: Phối hợp kiểm soát ATTP theo chuỗi, chia sẻ thông tin sự cố ATTP liên quan sản phẩm nông nghiệp; phối hợp xử lý nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng theo thẩm quyền.

3. Sở Công Thương: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương nắm bắt, cập nhật và cung cấp thông tin về tình hình thị trường, các quy định, tiêu chuẩn, cam kết và rào cản phi thuế quan đối với các mặt hàng nông sản tại các nước nhập khẩu, các nước thành viên các hiệp định thương mại tự do, nhất là các thị trường xuất khẩu trọng điểm của tỉnh. Kịp thời thông tin danh sách cảnh báo các sản phẩm có nguy cơ bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp đến các doanh nghiệp,

hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đề chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh gắn với thị trường tiêu thụ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai phổ biến, hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đăng ký, sử dụng mã số, mã vạch và ứng dụng mã QR phục vụ truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý; phối hợp triển khai các giải pháp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

5. Sở Ngoại vụ: Phối hợp với các sở, ban, ngành, tham mưu UBND tỉnh về các định hướng, chính sách mới của Việt Nam đối với các tổ chức quốc tế như: WTO, ASEAN, APEC, ASEM...; gắn kết hài hòa giữa hội nhập quốc tế với đổi mới trong nước, bảo đảm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Sở Tài chính: Hằng năm, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước và trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

Điều hành, phối hợp hoạt động của các lực lượng chức năng, nhất là đối với các lực lượng kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm tại cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng, thực hiện giám sát nghiêm ngặt quy trình kiểm dịch đối với nông sản, thực phẩm xuất, nhập khẩu.

Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh tại cửa khẩu. Phối hợp cập nhật và chia sẻ ngay cho các sở, ngành biến động về chính sách biên mậu, quy chuẩn SPS từ phía Hải quan Vân Nam (Trung Quốc) để kịp thời cảnh báo cho vùng nguyên liệu và doanh nghiệp của tỉnh.

8. Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh: Tuyên truyền, phổ biến quy định SPS, ATTP, phòng chống dịch bệnh động vật, thực vật; đưa tin cảnh báo và hướng dẫn người dân theo nội dung được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

9. Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ: Phối hợp tuyên truyền, tập huấn, vận động hội viên/chủ thể sản xuất thực hiện yêu cầu ATTP, truy xuất, phòng chống dịch bệnh và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

10. UBND các xã, phường

Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và an toàn dịch bệnh động vật, thực vật trên địa bàn theo phân cấp. Tăng

cường tuyên truyền, vận động các chủ thể sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm; xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Lập và định kỳ cập nhật danh sách các hộ, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến nông, lâm, thủy sản và các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; hướng dẫn người dân ghi chép nhật ký sản xuất, kiểm soát việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y theo quy định.

Kịp thời phát hiện, khoanh vùng và báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường khi xuất hiện dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới trên đàn vật nuôi, cây trồng hoặc xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm để phối hợp xử lý theo quy định.

11. Doanh nghiệp, HTX, cơ sở và chủ thể sản xuất: Tuân thủ quy định ATTP, thú y, bảo vệ thực vật; thực hiện truy xuất, ghi chép hồ sơ, kiểm soát đầu vào; phối hợp lấy mẫu, điều tra, truy xuất và thu hồi sản phẩm khi có yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch Thực hiện Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi Hiệp định về áp dụng các biện pháp vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Tổ chức Thương mại thế giới và cam kết SPS trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do” giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện (*có phụ lục kèm theo*), báo cáo kết quả gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 05 tháng 11 hằng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Y tế, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Ngoại vụ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh
- Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Hải quan cửa khẩu Ma Lù Thàng;
- UBND các xã, phường;
- Các Hiệp hội: Hội doanh nghiệp tỉnh; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh; Hội Nông sản, Hiệp hội Sâm Lai Châu;
- VPUBND tỉnh: V, C, TTHN;
- Lưu: VT, KTN (*Cường*).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]

Hà Trọng Hải